

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NINH THUẬN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Số: 275/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Khánh Hòa, ngày 25 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 7 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, thông qua ngày 27/4/2022;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Kiểm toán VACO kiểm toán;

Căn cứ Nghị quyết số 273/NQ-HĐQT ngày 25/5/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026,

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính năm 2025 đã được Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Kiểm toán VACO kiểm toán.

(Đính kèm Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, NPTQTCT.



Phạm Hữu Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 29

010
TH
TRÁ
ANH

50
C
C
C
H
H

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hữu Sơn	Chủ tịch
Ông Đinh Ấn	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Quyền	Thành viên
Ông Phan Thành Phong	Thành viên
Ông Hồ Huy Vũ	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Quyền	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 03 tháng 3 năm 2026)
Ông Đinh Ấn	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 03 tháng 3 năm 2026)
Ông Đặng Văn Đủ	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2025)
Ông Đinh Viết Sơn	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2025)
Bà Nguyễn Thu Hòa	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2025)

Ban kiểm soát

Bà Bá Bạch Thủy Tiên	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Đinh Lê Ngọc Trâm	Thành viên
Ông Phạm Nguyên Thắng	Thành viên

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Từ ngày	Đến ngày
Ông Đinh Ấn	Giám đốc	Ngày 01 tháng 01 năm 2025	Ngày 03 tháng 3 năm 2026
Ông Nguyễn Quốc Quyền	Giám đốc	Ngày 03 tháng 3 năm 2026	

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các Chính sách Kế toán thích hợp và áp dụng các Chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Quốc Quyền

Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2026

Số: 046/VACO/BCKT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 24 tháng 3 năm 2026 từ trang 04 đến trang 29 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các Chính sách Kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Ngọc Thạch
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1822-2023-156-1

Thay mặt và đại diện cho

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2026



Nguyễn Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 4262-2023-156-1

VACO Hà Nội

Tầng 12A, tòa nhà TCT 319, số 63 Lê Văn Lương
Phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội
Tel: (84-24) 3577 0781 - Fax: (84-24) 3577 0787

VACO Hồ Chí Minh

Lầu 10, tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ
Phường Gia Định, thành phố Hồ Chí Minh
Tel: (84-28) 3840 6618 - Fax: (84-28) 3840 6616

VACO Đồng Nai

Số 79 Hà Huy Giáp
Phường Trảng Bền, tỉnh Đồng Nai
Tel: (84-251) 382 8560 - Fax: (84-251) 382 8560

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		148.884.744.358	271.795.280.805
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	11.534.263.140	71.100.355.958
1. Tiền	111		11.534.263.140	15.600.355.958
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	55.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		95.121.000.000	169.821.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	95.121.000.000	169.821.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.339.650.728	22.149.093.404
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	17.343.857.579	6.932.818.854
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		82.486.254	39.858.894
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	15.704.853.776	16.146.338.531
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(791.546.881)	(969.922.875)
IV. Hàng tồn kho	140	9	6.021.796.187	5.860.533.398
1. Hàng tồn kho	141		6.021.796.187	5.860.533.398
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.868.034.303	2.864.298.045
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	709.412.497	305.414.867
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	3.158.621.806	2.558.883.178
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		422.803.965.738	113.539.244.922
I. Tài sản cố định	220		390.075.572.936	83.523.775.317
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	390.003.237.904	83.400.620.285
- Nguyên giá	222		823.301.327.050	483.010.098.325
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(433.298.089.146)	(399.609.478.040)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	72.335.032	123.155.032
- Nguyên giá	228		2.984.578.363	2.984.578.363
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.912.243.331)	(2.861.423.331)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		28.548.990.483	25.530.976.161
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	28.548.990.483	25.530.976.161
III. Tài sản dài hạn khác	260		4.179.402.319	4.484.493.444
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	4.179.402.319	4.484.493.444
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		571.688.710.096	385.334.525.727

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		288.049.707.545	100.976.528.301
I. Nợ ngắn hạn	310		62.683.486.778	48.880.526.907
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	8.413.185.818	5.485.967.514
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		111.228.112	30.380.834
3. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	-	1.750.757.313
4. Phải trả người lao động	314		5.120.729.730	3.960.383.050
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	599.285.510	556.337.787
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	16.867.018.320	16.242.176.483
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	25.536.095.028	13.436.095.028
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.035.944.260	7.418.428.898
II. Nợ dài hạn	330		225.366.220.767	52.096.001.394
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		609.089	609.089
2. Phải trả dài hạn khác	337	17	17.311.469.150	18.505.154.749
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	208.054.142.528	33.590.237.556
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		283.639.002.551	284.357.997.426
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	283.639.002.551	284.357.997.426
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		94.908.414.916	94.908.414.916
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		94.908.414.916	94.908.414.916
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.965.140.000	1.965.140.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		121.574.312.723	98.047.060.546
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		65.191.134.912	89.437.381.964
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.159.453	14.873.208.041
- LNST chưa PP năm nay	421b		65.188.975.459	74.564.173.923
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		571.688.710.096	385.334.525.727

Nguyễn Quốc Quyền
Giám đốc
Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2026

Lâm Đại Nam
Phụ trách Kế toán

Lâm Đại Nam
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	221.363.160.079	213.748.260.773
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10	20	221.363.160.079	213.748.260.773
3. Giá vốn hàng bán	11	21	136.392.655.068	121.900.015.909
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		84.970.505.011	91.848.244.864
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	8.468.157.186	10.554.028.333
6. Chi phí tài chính	22	24	4.722.623.333	3.433.350.792
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.722.623.333	3.433.350.792
7. Chi phí bán hàng	25	25	4.484.415.931	5.050.541.065
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	10.797.871.072	7.478.749.693
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - (25 + 26))	30		73.433.751.861	86.439.631.647
10. Thu nhập khác	31	26	672.753.300	3.940.859.913
11. Chi phí khác	32	27	333.583.678	1.818.054.714
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		339.169.622	2.122.805.199
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		73.772.921.483	88.562.436.846
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	8.463.946.024	10.138.262.923
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		65.308.975.459	78.424.173.923
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	6.056	6.979



Nguyễn Quốc Quyền
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2026


Lâm Đại Nam
Phụ trách Kế toán


Lâm Đại Nam
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	73.772.921.483	88.562.436.846
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	33.757.806.826	22.646.064.668
- Các khoản dự phòng	03	(178.375.994)	(2.211.467.204)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.151.229.197)	(10.055.713.731)
- Chi phí lãi vay	06	4.722.623.333	3.433.350.792
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	103.923.746.451	102.374.671.371
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(10.746.167.888)	11.709.019.035
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.658.692.404)	(2.326.045.507)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	3.290.654.133	(6.893.967.217)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(98.906.505)	34.712.175
- Tiền lãi vay đã trả	14	(4.760.730.170)	(3.509.214.246)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(10.669.053.372)	(5.908.526.269)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(9.829.522.625)	(12.056.510.214)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	69.451.327.620	83.424.139.128
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(341.010.223.440)	(2.967.015.529)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(101.400.000.000)	(169.821.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	176.100.000.000	197.525.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.285.477.127	10.769.835.091
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(258.024.746.313)	35.506.819.562
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	423.608.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(237.044.095.028)	(14.290.159.125)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(57.556.579.097)	(44.632.792.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	129.007.325.875	(58.922.951.825)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(59.566.092.818)	60.008.006.847
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	71.100.355.958	11.092.349.111
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	11.534.263.140	71.100.355.958

Nguyễn Quốc Quyền
Giám đốc
Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2026

Lâm Đại Nam
Phụ trách Kế toán

Lâm Đại Nam
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần từ Công ty Cấp nước Ninh Thuận theo Quyết định số 4088/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận (tên đơn vị hành chính trước ngày 01 tháng 7 năm 2025). Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4303000061 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận (tên đơn vị hành chính trước ngày 01 tháng 7 năm 2025) cấp ngày 16 tháng 9 năm 2008 và thay đổi lần thứ sáu theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500289362 do Sở Tài Chính tỉnh Khánh Hòa (tên đơn vị hành chính sau ngày 01 tháng 7 năm 2025) cấp ngày 17 tháng 3 năm 2026.

Trụ sở chính của Công ty tại số 14 đường Tô Hiệu, phường Phan Rang, tỉnh Khánh Hòa.

Vốn điều lệ của Công ty là 94.908.414.916 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 274 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 268 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Sản xuất và phân phối nước sạch cho sinh hoạt và sản xuất.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật mạng lưới cấp nước; Khảo sát địa hình xây dựng công trình; Thiết kế công trình cấp, thoát nước; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình cấp nước.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí. Chi tiết: Thi công lắp đặt đường ống cấp nước.
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình cấp, thoát nước.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh vật tư phục vụ cho lắp đặt và sử dụng nước.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và cung cấp nước sạch, khảo sát, thiết kế và lắp đặt các mạng lưới và đường ống cấp nước.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hướng dẫn Kế toán mới đã ban hành nhưng chưa được áp dụng

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến Báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

356-
HÀNH
HỒ CH
'G TY
V HỮU
CÁN
'O
Ổ C

30
'Y
'N
30
JÀ
15

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho (Tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị dụng cụ quân lý	03 - 07
Tài sản cố định hữu hình khác	06 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Phần mềm máy tính	03
Tài sản cố định vô hình khác	03-25

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với Chính sách Kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm: giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa đường ống, chi phí lắp đặt, thay đồng hồ miễn phí và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành của Công ty.

Nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm tài chính đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 26 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính: thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường, giám định tư pháp (sau đây gọi chung là lĩnh vực xã hội hóa). Công ty đáp ứng các điều kiện hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa trong lĩnh vực cung cấp nước sạch. Vì vậy Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% cho hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa trong suốt thời gian hoạt động.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa (Trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 là Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận)
Công ty Cổ phần - Tổng Công ty nước - Môi trường Bình Dương
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc

Mối quan hệ

Cổ đông lớn – Cổ đông Nhà nước

Cổ đông lớn (Kể từ ngày 8 tháng 01 năm 2026)

Cổ đông lớn (Đến ngày 8 tháng 01 năm 2026)

Lãnh đạo chủ chốt

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	80.251.000	396.610.000
Tiền gửi ngân hàng	11.454.012.140	15.203.745.958
Các khoản tương đương tiền	-	55.500.000.000
Cộng	11.534.263.140	71.100.355.958

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 thể hiện số dư các khoản tiền gửi tiết kiệm tại các Ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 06 đến 24 tháng (và có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo) với lãi suất được hưởng từ 4,70% đến 5,80%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải	872.644.106	5.680.315.722
- Tiền nước	861.361.200	5.050.548.542
- Tiền lãi chậm thanh toán	11.282.906	629.767.180
Khách hàng dùng nước	16.299.065.363	1.058.188.222
Các đối tượng khác	172.148.110	194.314.910
Cộng	17.343.857.579	6.932.818.854

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tiền lãi chậm thanh toán - Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải	-	-	-	-
Các khách hàng doanh nghiệp	95.317.561	-	95.317.561	95.317.561
Khách hàng dùng nước khác	820.317.144	124.087.823	696.229.320	673.467.085
Cộng	915.634.705	124.087.823	791.546.881	969.922.875

Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	969.922.875	3.181.390.079
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(178.375.994)	(2.211.467.204)
Tại ngày cuối năm	791.546.881	969.922.875

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ban QLDA cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận (i)	13.028.161.367	13.028.161.367
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	115.833.598	105.491.849
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	2.510.493.800	2.644.741.730
Phải thu khác	50.365.011	367.943.585
Cộng	15.704.853.776	16.146.338.531

Ghi chú:

- (i) Đây là phần tiền đối ứng của Công ty chuyển cho Ban QLDA cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận để thực hiện công trình Hệ thống cấp nước Cà Ná. Hiện nay, hồ sơ quyết toán dự án này đang được Ban QLDA cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận thực hiện quyết toán (Xem thêm Thuyết minh số 17).

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.532.401.229	-	5.371.138.440	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	489.394.958	-	489.394.958	-
Cộng	6.021.796.187	-	5.860.533.398	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ, vật dụng hành chính xuất dùng	104.869.817	97.237.289
Chi phí sửa chữa đường ống, tài sản khác	97.249.630	85.685.700
Chi phí khác	507.293.050	122.491.878
Cộng	709.412.497	305.414.867
b) Dài hạn		
Chi phí lắp đặt, thay đồng hồ miễn phí	2.842.466.888	3.304.456.257
Công cụ dụng cụ, vật dụng hành chính xuất dùng	584.539.113	398.937.073
Chi phí sửa chữa tài sản khác	752.396.318	781.100.114
Cộng	4.179.402.319	4.484.493.444

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	697.161.752	6.805.935.107	6.960.691.805	851.918.450
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	454.350.035	454.350.035
Thuế thu nhập cá nhân	26.696.660	789.444.657	789.444.657	26.696.660
Thuế tài nguyên, cấp quyền khai thác tài nguyên nước	96.062.700	923.362.430	922.790.330	95.490.600
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	654.308	24.501.295	24.212.849	365.862
Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	1.738.307.758	2.484.209.238	2.475.701.679	1.729.800.199
Cộng	2.558.883.178	11.027.452.727	11.627.191.355	3.158.621.806
b) Các khoản phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.750.757.313	8.463.946.024	10.214.703.337	-
Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	-	5.000.000	5.000.000	-
Thuế môn bài	-	9.000.000	9.000.000	-
Cộng	1.750.757.313	8.477.946.024	10.228.703.337	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	66.226.379.136	40.705.266.441	372.566.831.501	2.958.346.537	553.274.710	483.010.098.325
- Mua trong năm	54.722.975.694	7.435.764.403	275.673.220.162	89.875.000	-	337.921.835.259
- Tăng từ XDCB hoàn thành	336.243.787	-	397.545.315	1.839.071.032	-	2.572.860.134
- Giảm khác	-	-	-	(203.466.668)	-	(203.466.668)
Số dư cuối năm	121.285.598.617	48.141.030.844	648.637.596.978	4.683.825.901	553.274.710	823.301.327.050
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	48.176.451.967	31.789.050.112	317.856.527.508	1.234.173.743	553.274.710	399.609.478.040
- Khấu hao trong năm	5.448.700.555	2.579.254.668	25.129.283.466	549.748.137	-	33.706.986.826
- Phân loại lại	-	(585.876.532)	532.968.189	52.908.343	-	-
- Giảm khác	-	-	-	(18.375.720)	-	(18.375.720)
Số dư cuối năm	53.625.152.522	33.782.428.248	343.518.779.163	1.818.454.503	553.274.710	433.298.089.146
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	18.049.927.169	8.916.216.329	54.710.303.993	1.724.172.794	-	83.400.620.285
Tại ngày cuối năm	67.660.446.095	14.358.602.596	305.118.817.815	2.865.371.398	-	390.003.237.904

Ghi chú:

Ngày 26 tháng 5 năm 2025, Công ty đã được Ủy Ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận công nhận kết quả trúng đấu giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch Hệ thống cấp nước Cà Ná - Phước Nam và Hệ thống cấp nước Sơn Hải với tổng giá trị là 336.885.000.000 VND. Công ty đã hoàn tất việc tiếp nhận bàn giao tài sản và bắt đầu trích khấu hao từ ngày 01 tháng 07 năm 2025.

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp tài sản là Hệ thống cấp nước Cà Ná - Phước Nam và hệ thống cấp nước Sơn Hải có nguyên giá là 336.885.000.000 VND để đảm bảo cho khoản tiền vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận. Giá trị còn lại tài sản là Hệ thống cấp nước Cà Ná - Phước Nam và hệ thống cấp nước Sơn Hải tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 324.749.014.020 VND.

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 157.159.094.572 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 148.815.729.145 VND)

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng không còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 13.689.364.119 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 13.387.064.119 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Quyền khai thác nước mặn	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	1.817.072.000	618.960.000	548.546.363	2.984.578.363
Số dư cuối năm	1.817.072.000	618.960.000	548.546.363	2.984.578.363
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	1.817.072.000	495.804.968	548.546.363	2.861.423.331
- Khấu hao trong năm	-	50.820.000	-	50.820.000
Số dư cuối năm	1.817.072.000	546.624.968	548.546.363	2.912.243.331
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	-	123.155.032	-	123.155.032
Tại ngày cuối năm	-	72.335.032	-	72.335.032

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 2.683.294.363 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 2.683.294.363 VND).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng không còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 148.824.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 148.824.000 VND).

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trạm bơm tăng áp Phan Rang số 02, công suất 36.000 m ³ /ngày đêm	20.989.249.468	19.000.825.502
Nâng công suất Nhà máy nước Tháp Chàm	6.221.115.387	6.065.907.781
Các công trình khác	1.338.625.628	464.242.878
Cộng	28.548.990.483	25.530.976.161

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	1.810.080.000	1.810.080.000	-	-
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Ninh Thuận	1.800.850.500	1.800.850.500	2.037.885.300	2.037.885.300
Nhà Máy Hóa Chất Biên Hòa - Công ty Cổ phần Hoá chất cơ bản Miền Nam	1.140.115.500	1.140.115.500	571.959.499	571.959.499
Các đối tượng khác	3.662.139.818	3.662.139.818	2.876.122.715	2.876.122.715
Cộng	8.413.185.818	8.413.185.818	5.485.967.514	5.485.967.514

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí lãi vay	197.024.838	235.131.675
Chi phí nhiên liệu	126.557.200	125.112.400
Chi phí khác	275.703.472	196.093.712
Cộng	599.285.510	556.337.787

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Khoản đền bù di dời tuyến ống cấp nước hai bên đường Vĩnh Hy – Ninh Chữ (i)	12.643.420.000	12.643.420.000
Nhận ký quỹ, ký cược	2.399.722.443	1.960.022.443
Dịch vụ thoát nước	762.275.508	764.078.056
Phí bảo vệ môi trường rừng	349.334.440	304.588.492
Cổ tức phải trả	108.718.411	84.365.161
Các khoản phải trả khác	603.547.518	485.702.331
Cộng	16.867.018.320	16.242.176.483
b) Dài hạn		
Ban Quản lý dự án Cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận (ii)	17.311.469.150	18.505.154.749
Cộng	17.311.469.150	18.505.154.749

Ghi chú:

- (i) Đây là khoản tiền nhận hỗ trợ di dời tuyến ống nước dọc hai bên bờ Vĩnh Hy – Ninh Chữ (thuộc dự án ven biển tỉnh Ninh Thuận) với số tiền 12.643.420.000 VND theo Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận.
- (ii) Căn cứ theo Công văn số 4773/UBND-KT ngày 09 tháng 11 năm 2007 của UBND tỉnh Ninh Thuận, Công ty đã ban hành Quyết định số 16/QĐ/CTCPN ngày 10 tháng 3 năm 2009 thành lập Ban QLDA cấp thoát nước đô thị ADB4- Ninh Thuận để thực hiện Dự án phát triển đô thị vừa và nhỏ khu vực miền Trung, tiểu dự án tỉnh Ninh Thuận. Trong thời gian thực hiện Dự án, Công ty đã chuyển tiền đối ứng cho Ban QLDA Cấp thoát nước đô thị ADB4- Ninh Thuận để thực hiện công trình là 13.028.161.367 VND (Xem thuyết minh số 08).

Giá trị tài sản của Dự án này (phần cấp nước) được Công ty tạm ghi tăng tài sản theo hồ sơ quyết toán công trình xác nhận thanh toán cuối cùng ngày 27 tháng 6 năm 2014 với số tiền 46.866.616.290 VND. Theo công văn số 2153/UBND-KTTH ngày 06 tháng 5 năm 2021, công văn số 4903/UBND-KTTH ngày 09 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận; công văn 3634/STC-VP ngày 19 tháng 9 năm 2023, công văn số 1372/STC-VP ngày 09 tháng 4 năm 2024 và công văn số 482/STC-VP ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Sở tài chính tỉnh Ninh Thuận, Công ty đã tạm nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền đã trích khấu hao của dự án. Tổng số tiền đã nộp đến ngày 31 năm 12 năm 2025 là 29.555.147.140 VND (trong đó số tiền đã tạm nộp trong các năm 2021, 2022, 2023, 2024 và 2025 tương ứng lần lượt là 14.000.000.000 VND, 11.796.817.143 VND, 1.538.786.639 VND, 1.025.857.759 VND và 1.193.685.599 VND). Phần chênh lệch giữa giá trị tài sản tạm ghi tăng và số tiền tạm nộp tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 17.311.469.150 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 18.505.154.749 VND).

Hiện nay, hồ sơ quyết toán dự án này đang được Ban QLDA cấp thoát nước đô thị - Ninh Thuận thực hiện quyết toán. Giá trị tài sản cũng như khoản phải thu và phải trả Ban QLDA cấp thoát nước đô thị- Ninh Thuận sẽ được điều chỉnh theo hồ sơ quyết toán chính thức

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

18. VAY

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Số có khả năng				Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
<i>a1. Vay ngắn hạn</i>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận	13.436.095.028	13.436.095.028	249.144.095.028	237.044.095.028	25.536.095.028	25.536.095.028
	-	-	223.608.000.000	223.608.000.000	-	-
	-	-	223.608.000.000	223.608.000.000	-	-
<i>a2. Vay dài hạn đến hạn trả</i>						
Nguồn vốn ADB (i)	13.436.095.028	13.436.095.028	25.536.095.028	13.436.095.028	25.536.095.028	25.536.095.028
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận (ii)	13.436.095.028	13.436.095.028	13.436.095.028	13.436.095.028	13.436.095.028	13.436.095.028
	-	-	12.100.000.000	-	12.100.000.000	12.100.000.000
b) Vay dài hạn						
Nguồn vốn ADB (i)	33.590.237.556	33.590.237.556	200.000.000.000	25.536.095.028	208.054.142.528	208.054.142.528
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận (ii)	33.590.237.556	33.590.237.556	-	13.436.095.028	20.154.142.528	20.154.142.528
	-	-	200.000.000.000	12.100.000.000	187.900.000.000	187.900.000.000
Cộng	47.026.332.584	47.026.332.584	449.144.095.028	262.580.190.056	233.590.237.556	233.590.237.556

Ghi chú:

(i) Khoản vay vốn ADB là khoản vay theo Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính và Công ty để thực hiện Dự án Cấp nước vệ sinh các thị xã, thị trấn lần thứ 3 – ADB 3 ngày 26 tháng 7 năm 2002, Bộ Tài chính cho Công ty vay lại khoản vay bằng đồng Việt Nam (VND) tương đương với 11.836.000 USD; với thời hạn vay là 22 năm; trong đó có 06 năm ân hạn bắt đầu từ ngày rút vốn đầu tiên của Dự án. Trong thời kỳ ân hạn, lãi của khoản vay sẽ được gốc hóa vào các ngày 01/6 và 01/12 hàng năm. Khoản vay được chia làm 32 kỳ trả nợ, trong đó kỳ trả nợ đầu tiên sau thời gian ân hạn là ngày 01 tháng 12 năm 2012. Hiện tại Ngân hàng đang áp dụng mức lãi suất cho vay là 5,8% và 0,2% phí quản lý;

(ii) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận theo 01 Hợp đồng vay, giá trị khoản vay 200.000.000.000 VND, mục đích vay đầu tư mua tài sản đầu giá Hệ thống cấp nước Cà Ná - Phước Nam và Hệ thống cấp nước Cà Ná - Phước Nam và Hệ thống cấp nước Cà Ná - Phước Nam và hệ thống cấp nước Sơn Hải hình thành từ khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

18. VAY (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	25.536.095.028	13.436.095.028
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	84.954.142.528	33.590.237.556
Sau năm năm	123.100.000.000	-
	233.590.237.556	47.026.332.584
<i>Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng</i>	<i>25.536.095.028</i>	<i>13.436.095.028</i>
<i>(đã được trình bày trong vay ngắn hạn)</i>		
Số phải trả sau 12 tháng	208.054.142.528	33.590.237.556

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị: VND Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	94.908.414.916	1.965.140.000	76.437.523.720	92.376.170.259	265.687.248.895
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	78.424.173.923	78.424.173.923
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế năm 2023	-	-	21.609.536.826	(21.609.536.826)	-
Trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2023	-	-	-	(11.286.472.692)	(11.286.472.692)
Tạm trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi từ lợi nhuận năm 2024	-	-	-	(3.860.000.000)	(3.860.000.000)
Chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2023	-	-	-	(44.606.952.700)	(44.606.952.700)
Số dư đầu năm nay	94.908.414.916	1.965.140.000	98.047.060.546	89.437.381.964	284.357.997.426
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	65.308.975.459	65.308.975.459
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	23.527.252.177	(23.527.252.177)	-
Trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi nhuận sau thuế năm 2024 (i)	-	-	-	(8.327.037.987)	(8.327.037.987)
Tạm trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi từ lợi nhuận 2025 (ii)	-	-	-	(120.000.000)	(120.000.000)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(57.580.932.347)	(57.580.932.347)
Số dư cuối năm nay	94.908.414.916	1.965.140.000	121.574.312.723	65.191.134.912	283.639.002.551

Ghi chú:

- (i) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 120/2025/NQ-DHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025, đã thông qua việc phân phối lợi nhuận sau thuế của Công ty năm tài chính 2024 như sau:
- Trích Quỹ đầu tư phát triển 30% Lợi nhuận sau thuế giá trị là 23.527.252.177 VND;
 - Trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi với tổng số tiền là 12.187.037.987 VND (trong đó: Quỹ khen thưởng là 8.892.015.362 VND, Quỹ phúc lợi là 3.000.000.000 VND và Quỹ thưởng của viên chức quản lý là 295.022.625 VND). Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện tạm trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi từ lợi nhuận năm 2024 là 3.860.000.000 VND, năm 2025 trích bổ sung số tiền còn lại là 8.327.037.987 VND.
 - Chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 bằng tiền mặt tỷ lệ cổ tức là 60,67% tương đương 57.583.091.800 VND (Cổ tức trên mỗi cổ phần là 6.067 VND/cổ phần).

- (ii) Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 122/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 4 năm 2025, số 148/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 7 năm 2025 và số 175/NQ-HĐQT ngày 04 tháng 11 năm 2025, Công ty tạm trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi trên lợi nhuận của năm 2025 số tiền là 120.000.000 VND. Quyết định trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi năm 2025 sẽ do Đại hội đồng cổ đông trong năm 2026 của Công ty quyết định chính thức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 4500289362 thay đổi lần thứ 6 ngày 17 tháng 03 năm 2026 do Sở Tài Chính tỉnh Khánh Hòa cấp, Vốn điều lệ của Công ty là 94.908.414.916 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

Nhà đầu tư	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Vốn góp của nhà nước	49.405.554.916	52,06%	49.405.554.916	52,06%
Vốn góp của các đối tượng khác	45.502.860.000	47,94%	45.502.860.000	47,94%
- Do pháp nhân nắm giữ	42.166.960.000	44,42%	42.173.960.000	44,43%
+ Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận	40.224.860.000	42,38%	40.224.860.000	42,38%
+ Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải	1.000.000.000	1,05%	1.000.000.000	1,05%
+ Đối tượng khác	942.100.000	0,99%	949.100.000	1,00%
- Nhà đầu tư cá nhân	3.335.900.000	3,52%	3.328.900.000	3,51%
Cộng	94.908.414.916	100%	94.908.414.916	100%

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.490.841	9.490.841
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.490.841	9.490.841
+ Cổ phiếu phổ thông	9.490.841	9.490.841
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.490.841	9.490.841
+ Cổ phiếu phổ thông	9.490.841	9.490.841
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

Cổ tức đã chi trả cho cổ đông trong năm là 57.556.579.097 VND (năm 2024 là 44.632.792.700 VND VND).

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu hoạt động cấp nước	213.447.893.969	205.374.879.298
Doanh thu lắp đặt ống nước	7.915.266.110	8.373.381.475
Cộng	221.363.160.079	213.748.260.773

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hoạt động cấp nước	131.139.546.814	126.348.516.968
Giá vốn lắp đặt ống nước	5.253.108.254	5.551.498.941
Cộng	136.392.655.068	121.900.015.909

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	66.698.514.973	66.024.191.700
Chi phí nhân công	39.221.928.712	37.465.756.996
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.757.806.826	22.646.064.668
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.909.311.654	4.033.799.967
Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng	(178.375.994)	(2.211.467.204)
Chi phí khác	7.265.755.900	6.470.960.540
Cộng	151.674.942.071	134.429.306.667

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.151.229.197	10.055.713.731
Lãi chậm thanh toán	316.927.989	498.314.602
Cộng	8.468.157.186	10.554.028.333

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	4.722.623.333	3.433.350.792
Cộng	4.722.623.333	3.433.350.792

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	1.070.252.399	1.304.891.669
Chi phí vật liệu, bao bì	2.675.421.039	2.878.232.218
Chi phí dịch vụ mua ngoài	281.200.493	409.428.178
Các khoản chi phí bán hàng khác	457.542.000	457.989.000
Cộng	4.484.415.931	5.050.541.065
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	2.502.342.600	2.360.181.000
Chi phí vật liệu quản lý	561.533.332	543.244.137
Chi phí khấu hao TSCĐ	724.217.652	548.410.130
Thuế, phí và lệ phí	1.329.707.211	1.287.366.635
Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng	(178.375.994)	(2.211.467.204)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.486.671.364	1.263.968.342
Các khoản chi phí bằng tiền khác	4.371.774.907	3.687.046.653
Cộng	10.797.871.072	7.478.749.693

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập từ việc đền bù giá trị tài sản thiệt hại	-	553.690.392
Thu nhập từ bồi thường di dời các tuyến ống	-	2.841.253.477
Thu nhập từ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	103.508.719	101.438.165
Thu nhập từ dịch vụ thoát nước	414.600.555	337.147.863
Thu nhập khác	154.644.026	107.330.016
Cộng	672.753.300	3.940.859.913

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí cho nhân viên thu phí bảo vệ môi trường và dịch vụ thoát nước	328.629.140	-
Chi phí thực hiện di dời các tuyến ống	-	1.763.235.439
Chi phí khác	4.954.538	54.819.275
Cộng	333.583.678	1.818.054.714

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	73.772.921.483	88.562.436.846
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế	449.548.130	450.512.936
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế	(224.107.105)	(4.373.987.142)
Thu nhập chịu thuế	73.998.362.508	84.638.962.640
Thu nhập tính thuế	73.998.362.508	84.638.962.640
Thu nhập chịu thuế suất 10%	63.357.264.786	72.220.335.923
Thu nhập chịu thuế suất 20%	10.641.097.722	14.581.146.655
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.463.946.024	10.138.262.923
Chi phí thuế theo thuế suất 10%	6.335.726.479	7.222.033.592
Chi phí thuế theo thuế suất 20%	2.128.219.545	2.916.229.331
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	8.463.946.024	10.138.262.923

Công ty áp dụng mức thuế suất ưu đãi 10% cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực xã hội hóa.

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận cho mục đích tính thuế không có sự khác biệt so với lợi nhuận kế toán. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan Thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	65.308.975.459	78.424.173.923
<i>Điều chỉnh</i>		
Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	(7.831.921.476)	(12.187.037.987)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	57.477.053.983	66.237.135.936
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.490.841	9.490.841
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.056	6.979

Ghi chú:

- (i) Giá trị trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2025 là số tạm ước tính bởi Công ty và sẽ được Đại hội đồng cổ đông năm 2026 quyết định chính thức.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 120/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025 đã chính thức thông qua việc trích lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 với tổng số tiền là 12.187.037.987 VND.

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý:

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chủ yếu tập trung trong địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong một lĩnh vực cấp nước. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các số dư với các bên liên quan như đã trình bày tại Thuyết minh số 19; trong năm, Công ty còn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Giao dịch với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa (Trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 là Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận)		
Trả tiền cổ tức	29.974.347.185	23.220.608.500
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận		
Đã trả		
Trả tiền cổ tức	24.404.422.562	18.905.684.200
Mua vật tư và sử dụng dịch vụ (đã bao gồm thuế GTGT)	216.375.000	158.909.000
Đã thu		
Tiền đầu nối hệ thống nước (đã bao gồm thuế GTGT)	-	63.212.603

Thù lao, tiền lương, thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát hưởng trong năm:

	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Phạm Hữu Sơn	Chủ tịch	521.203.500	530.277.840
Ông Đinh Ân	Thành viên	76.558.927	75.074.316
Ông Nguyễn Quốc Quyền	Thành viên	76.558.927	75.074.316
Ông Võ Ngọc Thoại	Thành viên	-	29.376.909
Ông Đinh Viết Sơn	Thành viên	-	29.376.909
Ông Phan Thành Phong	Thành viên	76.558.927	45.697.407
Ông Hồ Huy Vũ	Thành viên	76.558.927	45.697.407
Ban Giám đốc			
Ông Đinh Ân	Giám đốc	398.828.308	508.105.332
Ông Đinh Viết Sơn	Phó Giám đốc	376.239.184	452.117.380
Ông Nguyễn Quốc Quyền	Phó Giám đốc	421.622.224	432.306.380
Ông Đặng Văn Đủ	Phó Giám đốc	195.975.662	-
Bà Nguyễn Thu Hòa	Phó Giám đốc	31.811.427	-
Ban kiểm soát			
Bà Bá Bạch Thủy Tiên	Trưởng ban	436.618.483	447.893.220
Bà Đinh Lê Ngọc Trâm	Thành viên	61.247.145	60.059.448
Ông Phạm Nguyên Thắng	Thành viên	61.247.145	36.557.927
Cộng		2.811.028.786	2.767.614.791

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

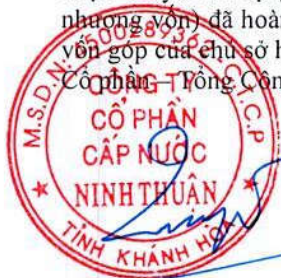
32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm 2.510.493.800 VND là số tiền lãi tiền gửi có kỳ hạn phát sinh trong năm mà chưa thu tiền, nhưng đã bao gồm 2.644.741.730 VND là số tiền lãi phải thu năm trước đã thu được tiền trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm 108.718.411 là số tiền cổ tức phải trả chỉ trả trong năm nhưng chưa thanh toán, nhưng đã bao gồm 84.365.161 VND là số tiền cổ tức còn phải trả trong năm trước đã được chỉ trả trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong năm là 341.010.223.440 VND (năm 2024 là: 2.967.015.529 VND) trong đó không bao gồm 1.193.352.735 VND (năm 2024 là: 373.387.023 VND) là tiền mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong năm nhưng chưa được thanh toán trong năm. Vì vậy, một khoản tiền bù trừ tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 08 tháng 01 năm 2026, Công ty Cổ phần – Tổng Công ty nước – Môi trường Bình Dương (Bên nhận chuyển nhượng vốn) và Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận (Bên chuyển nhượng vốn) đã hoàn tất nhận chuyển nhượng 2.350.000 cổ phiếu của Công ty (tương ứng 24,76% tỷ lệ vốn góp của chủ sở hữu tại thời điểm chuyển nhượng). Do đó, kể từ ngày 08 tháng 01 năm 2026, Công ty Cổ phần – Tổng Công ty nước – Môi trường Bình Dương chính thức trở thành cổ đông lớn của Công ty.



Nguyễn Quốc Quyền
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2026

Lâm Đại Nam
Phụ trách Kế toán

Lâm Đại Nam
Người lập biểu

